TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ – ST
Ngày 04 – 3 - 2026
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và bà Đỗ Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang cư trú tại: Thôn F, xã V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Bị đơn: Anh Khổng Duy Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2025 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Khổng Duy Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/4/2012, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở chung cùng gia đình nhà anh Đ, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau nhiều lần mâu thuẫn năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn anh Đ và đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết, thời gian giải quyết tại Tòa án chị cân nhắc suy nghĩ nên chị đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nên chị và anh Đ tiếp tục sống chung cùng nhau. Quá trình chung sống mâu thuẫn vẫn diễn ra, đến khoảng cuối năm 2025

mâu thuẫn trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra đã lâu nên chị khởi kiện xin được ly hôn với anh Khổng Duy Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Khổng Duy M, sinh ngày 01/5/2013 và Khổng Mẫn M1, sinh ngày 11/11/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh Đ. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Khổng Duy Đ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh Đ rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh Đ đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của chị T nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến trình bày đến Tòa.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tòa án tiến hành làm việc với ông Khổng Duy T1, là bố đẻ anh Đ đang ở trực tiếp cùng anh Đ ông T1 cho biết năm 2012 gia đình ông tổ chức đám cưới cho con trai ông là Khổng Duy Đ kết hôn với chị Bùi Thị T, sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ ở chung cùng gia đình ông, quá trình chung sống thấy tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, đến cuối năm 2025 chị T về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay, nguyên nhân cụ thể thế nào gia đình ông không biết. Anh Đ và chị T có hai con chung là Khổng Duy M, sinh ngày 01/5/2013 và Không Mẫn Mẫn, sinh ngày 11/11/2017, hiện nay ba bố con anh Đ ở cùng gia đình ông. Thời gian qua, do anh Đ đi làm ăn thỉnh thoảng về nhà nên ông là người trực tiếp nhận các giấy tờ, văn bản của Tòa án gửi cho anh Đ về việc chị T xin ly hôn anh Đ, sau khi nhận được giấy ông có giao lại cho anh Đ và thông báo cho anh Đ được biết, anh Đ có đến Tòa án trình bày quan điểm hay không ông cũng không rõ.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V cho biết: Bùi Thị T và anh Khổng Duy Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 20 tháng 4 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ chung sống cùng gia đình anh Đ tại thôn Đ, xã V. Quá trình chung sống, thời gian đầu thấy anh chị sống hòa thuận, đến khoảng tháng 8/2025, địa phương thấy chị T không ở cùng nhà Đ nữa và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh Đ, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ

lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do; chị T đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Khổng Duy Đ; Về nuôi con chung: Giao cháu Khổng Duy M, sinh ngày 01/5/2013 và Không Mẫn Mẫn, sinh ngày 11/11/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu; anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được gây khó khăn.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Khổng Duy Đ và đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Đ đang cư trú tại Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của chị T, kết quả xác minh tại UBND xã V và các tài liệu chứng cứ thu thập được, thể hiện chị T và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 20 tháng 4 năm 2012, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, do luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên phát sinh mâu thuẫn. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị T đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn, việc đoàn tụ là không thể, do đó chị tha thiết đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Xét, cuộc sống chung giữa chị T và anh Đ không thể tiếp tục vì mâu thuẫn giữa anh, chị xảy ra đã lâu. Do đó cần giải quyết cho chị T và anh Đ, được ly hôn để anh, chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị T và anh Khổng Duy Đ có 02 con chung là Khổng Duy M, sinh ngày 01/5/2013 và Không Mẫn Mẫn, sinh ngày 11/11/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh Đ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh Đ đến Tòa án trình bày

quan điểm về việc chị T xin ly hôn và xin được trực tiếp nuôi hai con chung nhưng anh Đ không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày gửi đến Tòa án. Xét, việc xin nuôi con chung của chị T là hoàn toàn tự nguyện, thực tâm và đây cũng là nguyện vọng của hai cháu xin được ở cùng chị T nên cần giao cháu Khổng Duy M, sinh ngày 01/5/2013 và Khổng Mẫn M1, sinh ngày 11/11/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu. Anh Đ có quyền nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị T và anh Đ không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Khổng Duy Đ.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Khổng Duy M, sinh ngày 01/5/2013 và Không Mẫn Mẫn, sinh ngày 11/11/2017; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004742 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 – Phú Thọ ;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan